

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 94/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành Luật dự trữ quốc gia

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật dự trữ quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết chính sách của Nhà nước về dự trữ quốc gia; Danh mục hàng dự trữ quốc gia và phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia; chế độ phụ cấp thâm niên và phụ cấp ưu đãi nghề đối với người làm công tác dự trữ quốc gia; xuất hàng dự trữ quốc gia khi thanh lý, loại khỏi Danh mục hàng dự trữ quốc gia, tiêu hủy và xử lý hàng dự trữ quốc gia đối với số lượng hàng khi kiểm kê thực tế lớn hơn so với sổ kế toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hình thành, tổ chức quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia.

Chương II

CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 3. Chính sách huy động nguồn lực cho dự trữ quốc gia

1. Nhà nước khuyến khích đồng thời ghi nhận bằng văn bản việc các tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp tài sản để sử dụng cho dự trữ quốc gia.

Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia khi tiếp nhận tài sản tự nguyện đóng góp để sử dụng cho dự trữ quốc gia có trách nhiệm quản lý sử dụng đúng mục đích và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đóng góp tài sản cho các tổ chức, cá nhân.

2. Trong tình huống đột xuất, cấp bách, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh có nguy cơ lây lan trên diện rộng, phục vụ quốc phòng, an ninh cần được giải quyết ngay Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Công Thương huy động tài sản, hàng hóa, vật tư, thiết bị của các tổ chức, cá nhân cho dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

3. Người có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này quyết định huy động, quản lý sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả; thanh toán, bồi thường thiệt hại đối với tài sản, hàng hóa, vật tư, thiết bị huy động, phục vụ dự trữ quốc gia cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

Điều 4. Chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho dự trữ quốc gia

1. Nhà nước khuyến khích đồng thời ghi nhận bằng văn bản việc các tổ chức, cá nhân tự nguyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho dự trữ quốc gia.

Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm quản lý sử dụng kho do các tổ chức, cá nhân tự nguyện đầu tư xây dựng kho trong quy hoạch mạng lưới kho dự trữ quốc gia để cho dự trữ quốc gia thuê hoặc nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia đúng mục đích; đồng thời đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân đã tự nguyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

2. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng kho trong quy hoạch mạng lưới kho dự trữ quốc gia để nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia được bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia hỗ trợ, hướng dẫn về công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư nghiên cứu phát triển khoa học - công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin về dự trữ quốc gia

1. Nhà nước khuyến khích đồng thời ghi nhận bằng văn bản việc các tổ chức, cá nhân cung cấp giải pháp kỹ thuật, ứng dụng công nghệ bảo quản, công nghệ thông tin miễn phí phục vụ quản lý và bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

2. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm quản lý sử dụng giải pháp kỹ thuật, ứng dụng công nghệ bảo quản, công nghệ thông tin miễn phí phục vụ quản lý và bảo quản hàng dự trữ quốc gia được tổ chức, cá nhân

cung cấp đúng mục đích; đồng thời đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân đó.

Điều 6. Chính sách khuyến khích của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân công hiến những thành tựu nghiên cứu khoa học áp dụng có hiệu quả trong ngành dự trữ quốc gia

1. Nhà nước khuyến khích đồng thời ghi nhận bằng văn bản việc tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp những phát minh, sáng chế áp dụng có hiệu quả trong quản lý và bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia khi tiếp nhận những phát minh, sáng chế có trách nhiệm quản lý sử dụng đúng mục đích và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đóng góp phát minh, sáng chế cho các tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức, cá nhân được đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, áp dụng và đổi mới thiết bị công nghệ với bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách để giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp thiết của công tác quản lý và bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Chương III
DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA
VÀ PHÂN CÔNG CƠ QUAN QUẢN LÝ

Điều 7. Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia, phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia

1. Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia và phân công bộ, ngành quản lý được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trường hợp cần điều chỉnh bổ sung Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ quyết định điều chỉnh bổ sung Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia.

Điều 8. Thực hiện Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia, Danh mục hàng dự trữ quốc gia

1. Hàng năm cùng với việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia rà soát, cân đối, tổng hợp trình Chính phủ quyết định Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia để giao cho các bộ, ngành triển khai thực hiện trong năm kế hoạch.

2. Trong trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Chương IV

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 9. Điều kiện, thời gian tính hưởng và thời gian không tính hưởng phụ cấp thâm niên

1. Điều kiện được tính hưởng phụ cấp thâm niên như sau:

- a) Công chức, viên chức, có thời gian công tác tại cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách đủ 5 năm (60 tháng) thì được tính hưởng phụ cấp thâm niên;
- b) Quân nhân, công an nhân dân có thời gian làm công tác dự trữ quốc gia đủ 5 năm (60 tháng) thì được tính hưởng phụ cấp thâm niên.

2. Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên

a) Thời gian làm việc tại cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách, làm công tác dự trữ quốc gia thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Thời gian hưởng phụ cấp thâm niên ở các ngành nghề khác cộng dồn với thời gian quy định tại Điểm a Khoản này để tính hưởng phụ cấp thâm niên gồm: Thời gian phục vụ trong quân đội, công an được hưởng phụ cấp thâm niên, thời gian làm việc được xếp lương theo một trong các ngạch hoặc chức danh của các chuyên ngành hải quan, cơ yếu, tòa án, kiểm sát, kiểm toán, thanh tra, thi hành án dân sự, kiểm lâm, kiểm tra Đảng và nhà giáo (nếu có);

c) Thời gian đi nghĩa vụ quân sự theo luật định mà trước khi đi nghĩa vụ quân sự đang được tính hưởng phụ cấp thâm niên.

3. Thời gian không tính hưởng phụ cấp thâm niên

- a) Thời gian tập sự hoặc thời gian hợp đồng làm việc có thời hạn;
- b) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;
- c) Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;
- d) Thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Điều 10. Mức phụ cấp thâm niên

1. Người làm công tác dự trữ quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định này có thời gian làm việc được tính hưởng phụ cấp thâm niên theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định này đủ 5 năm (60 tháng) thì được hưởng phụ cấp thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); từ năm thứ 6 trở đi cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%.

2. Phụ cấp thâm niên được tính trả cùng kỳ lương hàng tháng và được dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 11. Điều kiện hưởng phụ cấp ưu đãi nghề

1. Người trực tiếp làm nhiệm vụ dự trữ quốc gia tại các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách.

2. Người trực tiếp làm công tác dự trữ quốc gia tại các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 12. Mức phụ cấp ưu đãi nghề

1. Mức phụ cấp ưu đãi được quy định như sau:

a) Mức phụ cấp ưu đãi bằng 25% áp dụng đối với công chức thuộc các ngành chuyên ngành dự trữ quốc gia;

b) Mức phụ cấp ưu đãi bằng 15% áp dụng đối với công chức thuộc các ngành khác trực tiếp làm nhiệm vụ tại Chi cục dự trữ Nhà nước, văn phòng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực thuộc cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách; người trực tiếp làm công tác dự trữ quốc gia tại các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2. Các mức phụ cấp ưu đãi nghề quy định tại Điều này được tính theo mức lương ngạch, bậc hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) và được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 13. Nguyên tắc áp dụng, nguồn kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên ngành, phụ cấp ưu đãi nghề dự trữ quốc gia

1. Người làm công tác dự trữ quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 11 Nghị định này nếu đang hưởng nhiều phụ cấp cùng loại thì chỉ được hưởng một phụ cấp có mức phụ cấp cao nhất.

2. Nguồn kinh phí để chi trả chế độ phụ cấp thâm niên ngành, phụ cấp ưu đãi nghề dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương V

THANH LÝ, XUẤT LOẠI KHỎI DANH MỤC HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA, TIÊU HỦY VÀ XỬ LÝ HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA ĐÔI THỪA, THIẾU HỤT; TRÍCH THUỞNG GIÁM HAO HỤT SO VỚI ĐỊNH MỨC TRONG BẢO QUẢN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 14. Thanh lý hàng dự trữ quốc gia

1. Hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm phẩm chất so với quy chuẩn kỹ thuật hiện hành nhưng vẫn còn giá trị sử dụng và được phép lưu thông trên thị trường được thanh lý trong các trường hợp sau đây: